

Số: 54 /BC-SKHĐT

Kiên Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tính đến ngày 24/3/2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan/đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh một số nội dung như sau:

1. Tình hình phân bổ, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 đến ngày 24/3/2022

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công được Hội đồng nhân dân tỉnh giao theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 là 5.124.419 triệu đồng (giảm 123.408 triệu đồng so với năm 2021). UBND tỉnh đã triển khai giao chi tiết vốn đầu tư công cho các Sở, ban ngành và địa phương triển khai thực hiện, đến nay đã giao chi tiết 5.023.919/5.124.419 triệu đồng, đạt 98,04% so Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Trong đó: vốn ngân sách địa phương đã giao chi tiết 3.930.690/3.930.690 triệu đồng, đạt 100%; vốn ngân sách Trung ương đã giao chi tiết 1.093.229/1.193.729 triệu đồng, đạt 91,58% Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Số vốn ngân sách Trung ương còn lại Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục đôn đốc các đơn vị hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để giao hết vốn đúng theo quy định pháp luật¹.

Đến ngày 24/3/2022, giá trị giải ngân là 296.807/5.023.919 triệu đồng, đạt 5,91% kế hoạch. Trong đó: nguồn vốn do các Sở, ban ngành cấp tỉnh quản lý giá trị giải ngân là 103.034/2.277.044 triệu đồng, đạt 4,52% kế hoạch; nguồn vốn do cấp huyện quản lý giá trị giải ngân là 193.773/2.746.875 triệu đồng, đạt 7,05% kế hoạch.

(Chi tiết Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Có 49 công trình/dự án lớn, trọng điểm do các Sở, ban ngành cấp tỉnh và các địa phương quản lý được bố trí 3.812.012/5.023.919 triệu đồng, chiếm

¹ Dự án đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, TP Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang là 100.000 triệu đồng; Dự án ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Rạch Giá là 500 triệu đồng.



75,88% kế hoạch vốn năm 2022 của tỉnh. Kết quả đến ngày 24/3/2022, giá trị giải ngân là 192.515/3.812.012 triệu đồng, đạt 5,05% kế hoạch.

(Chi tiết Phụ lục III kèm theo).

2. Một số nhiệm vụ triển khai trong tháng 4/2022 Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất, kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện

(1). Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2021 sang năm 2022 của các đơn vị đề xuất²; đối với nguồn ngân sách địa phương đang hoàn chỉnh hồ sơ tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công; Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. Đối với số vốn các Sở, ban ngành và địa phương không có nhu cầu kéo dài (khoảng 414.606 triệu đồng), đề nghị UBND tỉnh chuyển sang nguồn vốn kết dư và bố trí lại cho Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí cho các dự án đang triển khai để đảm bảo hoàn thành mục tiêu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

(2) Ngày 13/01/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-SKHĐT về việc kiểm tra, hướng dẫn và đôn đốc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022; và đã có văn bản đôn đốc các đơn vị gửi báo cáo tại Công văn số 226/SKHĐT-THQHKH ngày 28/02/2022. Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và đôn đốc triển khai thực hiện việc lập, trình, giao và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022 của các Sở, ban ngành, địa phương, chủ đầu tư, BQL dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Đề nghị các cơ quan, đơn vị khẩn trương gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư để có cơ sở để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh³.

(2). Đối với các đơn vị chưa hoàn thành thủ tục đầu tư để giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025⁴ và kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương⁵ tiếp tục khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục để giao kế hoạch theo đúng quy định.

(3). UBND các huyện, thành phố khẩn trương phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 theo đúng quy định. Đồng thời

² Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang.

³ Các đơn vị chưa gửi báo cáo: UBND huyện Kiên Hải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình; Trường Cao đẳng Sư phạm; Trường Cao đẳng Nghề.

⁴ Công văn số 94/UBND-KT ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang.

⁵ Dự án ĐTXD quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Dự án ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố Rạch Giá.

gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo yêu cầu tại Công văn số 156/SKHĐT-THQHKH ngày 11/02/2022, Báo cáo số 39/BC-SKHĐT ngày 03/3/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(4). Trên cơ sở thực tế tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 của các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng vốn. Chủ động đề xuất UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phương án xử lý cụ thể, kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, từ các dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư (chưa có quyết định đầu tư) sang các dự án đã đủ thủ tục hồ sơ, bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư và đúng theo quy định, theo yêu cầu tại Công văn số 156/SKHĐT-THQHKH ngày 11/02/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(5). Các Sở, ban ngành và địa phương, các chủ đầu tư, BQL dự án khẩn trương lập kế hoạch chi tiết cho từng dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến triển khai thi công, nghiệm thu và thanh quyết toán đảm bảo phù hợp tiến độ chung của dự án và đúng quy định, bao gồm cả phần vốn được phép chuyển nguồn và kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân (phân công rõ nhiệm vụ, tiến độ, báo cáo định kỳ,...). Phân công cụ thể lãnh đạo, cán bộ theo dõi chỉ đạo, điều hành công việc từ khâu lập, thẩm định thiết kế, kế hoạch đấu thầu và triển khai thi công, đảm bảo phù hợp tiến độ và đúng quy định. Trong quá trình thực hiện dự án nếu có khó khăn, vướng mắc chủ động báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan/đơn vị có liên quan để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

(6). Các Sở, ban ngành và địa phương, các chủ đầu tư, BQL dự án khẩn trương thành lập ngay các Tổ thúc đẩy giải ngân đầu tư công do Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Người đứng đầu các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án (BQLDA) làm Tổ trưởng theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Minh Thành tại Hội nghị tổng kết đầu tư công năm 2021 và triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2022 đến ngày 24/3/2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang của Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng THQHKH;
- Lưu: VT, txanh.

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Xuân Vũ

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh
2. Sở Tài chính
3. Sở Thông tin và Truyền thông (đăng trên cổng TTĐT tỉnh)
4. Sở Giao thông vận tải
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6. Sở Y tế
7. Sở Giáo dục và Đào tạo
8. Sở Văn hóa và Thể thao
9. Sở Tài nguyên và Môi trường
10. Sở Du lịch
11. Sở Nội vụ
12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
13. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
14. Công an tỉnh
15. Văn phòng Tỉnh ủy
16. Văn phòng HĐND tỉnh
17. Văn phòng UBND tỉnh
18. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
19. Đài Phát thanh và Truyền hình
20. Ban Dân tộc
21. Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang
22. Trường Cao đẳng Kiên Giang
23. Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang
24. UBND các huyện, thành phố - 15 đơn vị



PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
(THEO NGUỒN VỐN)

(Kèm theo Báo cáo số 54/BC-SKHĐT ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch năm 2022 (theo NQ HĐND tỉnh)	Kế hoạch năm 2022 (UBND tỉnh giao chi tiết)	Tỷ lệ giao vốn so với NQ HĐND tỉnh	Chênh lệch		THTH từ đầu năm đến ngày 24/3/2022 (theo số liệu thực tế của Kho bạc Nhà nước tỉnh)		Kế hoạch năm 2022 (còn lại chưa giải ngân)	
					Tăng (+)	Giảm (-)	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
1	2	3	4	4	5=4-3	6=4-3	7	8=7/4	9=4-7	10=9/4
	TỔNG SỐ	5.124.419	5.023.919	98,04%		-100.500	296.807	5,91%	4.727.112	94,09%
I	Vốn ngân sách địa phương, trong đó:	3.930.690	3.930.690	100%			206.189	5,25%	3.724.501	94,75%
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	1.019.590	1.019.590	100%			50.857	4,99%	968.733	95,01%
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.300.000	1.300.000	100%			15.692	1,21%	1.284.308	98,79%
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.600.000	1.600.000	100%			139.639	8,73%	1.460.361	91,27%
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	11.100	11.100	100%			-	0,00%	11.100	100,00%
II	Vốn ngân sách Trung ương, trong đó:	1.193.729	1.093.229	91,58%		-100.500	90.618	8,29%	1.002.611	91,71%
1	Vốn trong nước	1.094.718	994.218	90,82%		-100.500	87.044	8,76%	907.174	91,24%
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó:	1.094.718	994.218	90,82%		-100.500	87.044	8,76%	907.174	91,24%
	- 'Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	200.000	200.000	100%			-	0,00%	200.000	100,00%
2	Vốn nước ngoài	99.011	99.011	100%			3.574	3,61%	95.437	96,39%



PHỤ LỤC II
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
(THEO SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG)

(Kèm theo Báo cáo số 54 /BC-SKHDT ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: triệu đồng.

TT	Theo ngành/địa phương	Kế hoạch năm 2022 (UBND tỉnh giao chi tiết)		THTH từ đầu năm đến ngày 24/3/2021 (theo số liệu thực tế của Kho bạc Nhà nước tỉnh)		Kế hoạch năm 2022 (còn lại chưa giải ngân hết)	
		Số vốn	Chiếm tỷ lệ	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ %	Giá trị còn lại chưa giải ngân	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6=5/3	7=3-5	8=7/3
	TỔNG CỘNG	5.023.919	100,00%	296.807	5,91%	4.727.112	94,09%
A	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH	2.277.044	45,32%	103.034	4,52%	2.174.010	95,48%
1	Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang	5.000	0,10%	2.498	49,96%	2.502	50,04%
2	Văn phòng UBND tỉnh	13.000	0,26%	4.836	37,20%	8.164	62,80%
3	Sở Y tế	313.759	6,25%	59.680	19,02%	254.079	80,98%
4	Công an tỉnh	31.800	0,63%	4.968	15,62%	26.832	84,38%
5	BCH Quân sự tỉnh	16.300	0,32%	2.468	15,14%	13.832	84,86%
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	332.630	6,62%	20.663	6,21%	311.967	93,79%
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	90.000	1,79%	3.274	3,64%	86.726	96,36%
8	Sở Du lịch	51.000	1,02%	1.647	3,23%	49.353	96,77%
9	Trường Cao đẳng Nghề	10.000	0,20%	253	2,53%	9.747	97,47%
10	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	48.500	0,97%	926	1,91%	47.574	98,09%
11	Văn phòng Tỉnh ủy	60.733	1,21%	1.093	1,80%	59.640	98,20%
12	Sở Văn hóa và Thể thao	49.000	0,98%	619	1,26%	48.381	98,74%
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30.000	0,60%	108	0,36%	29.892	99,64%
14	Sở Nội vụ	300	0,01%	-	0,00%	300	100,00%
15	Ban Dân tộc	3.000	0,06%	-	0,00%	3.000	100,00%
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5.000	0,10%	-	0,00%	5.000	100,00%
17	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	5.000	0,10%	-	0,00%	5.000	100,00%
18	Đài Phát thanh và Truyền hình	7.000	0,14%	-	0,00%	7.000	100,00%
19	Sở Tài chính (trả nợ gốc)	18.300	0,36%	-	0,00%	18.300	100,00%
20	Trường Cao đẳng Kiên Giang	20.449	0,41%	-	0,00%	20.449	100,00%
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	144.002	2,87%	-	0,00%	144.002	100,00%
22	Sở Giao thông vận tải	1.022.271	20,35%	-	0,00%	1.022.271	100,00%

TT	Theo ngành/dịa phương	Kế hoạch năm 2022 (UBND tỉnh giao chi tiết)		THTH từ đầu năm đến ngày 24/3/2021 (theo số liệu thực tế của Kho bạc Nhà nước tỉnh)		Kế hoạch năm 2022 (còn lại chưa giải ngân hết)	
		Số vốn	Chiếm tỷ lệ	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ %	Giá trị còn lại chưa giải ngân	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6=5/3	7=3-5	8=7/3
B	CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	2.746.875	54,68%	193.773	7,05%	2.553.102	92,95%
1	Huyện An Biên	163.625	3,26%	78.175	47,78%	85.450	52,22%
2	Thành phố Hà Tiên	145.344	2,89%	21.828	15,02%	123.516	84,98%
3	Huyện Gò Quao	83.602	1,66%	12.409	14,84%	71.193	85,16%
4	Huyện Giang Thành	68.101	1,36%	8.532	12,53%	59.569	87,47%
5	Huyện Giồng Riềng	140.319	2,79%	16.420	11,70%	123.899	88,30%
6	Huyện U Minh Thượng	57.159	1,14%	5.701	9,97%	51.458	90,03%
7	Thành phố Rạch Giá	190.106	3,78%	16.152	8,50%	173.954	91,50%
8	Huyện Vĩnh Thuận	68.513	1,36%	5.349	7,81%	63.164	92,19%
9	Huyện An Minh	208.535	4,15%	14.440	6,92%	194.095	93,08%
10	Huyện Kiên Hải	100.183	1,99%	4.263	4,26%	95.920	95,74%
11	Huyện Hòn Đất	88.166	1,75%	1.865	2,12%	86.301	97,88%
12	Thành phố Phú Quốc	1.093.490	21,77%	8.246	0,75%	1.085.244	99,25%
13	Huyện Kiên Lương	113.065	2,25%	393	0,35%	112.672	99,65%
14	Huyện Tân Hiệp	65.457	1,30%	-	0,00%	65.457	100,00%
15	Huyện Châu Thành	161.210	3,21%	-	0,00%	161.210	100,00%

PHỤ LỤC III
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN, TRỌNG ĐIỂM CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
 (Kèm theo Báo cáo số 54/BC-SKHDT ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 24/3/2022	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NSDP	NSTW	ODA		NSDP	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5				6				7	8	9
49	TỔNG CỘNG			3.812.012	2.720.283	992.718	99.011	192.515	101.897	87.044	3.574	5,05%	3.619.497	
A	CẤP TỈNH			2.062.111	1.581.870	381.230	99.011	88.568	68.346	16.649	3.574	4,30%	1.973.543	
1	Sở Giao thông vận tải			1.022.271	822.271	200.000	-	-	-	-	-	0,00%	1.022.271	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Sở GTVT	1.410.719	219.979	219.979			-	-			0,00%	219.979	Khởi công mới
2	Dự án ĐT XD công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Sở GTVT	952.960	200.000	200.000			-	-			0,00%	200.000	Chuyển tiếp
3	Dự án ĐT XD công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Sở GTVT	919.628	150.000	150.000			-	-			0,00%	150.000	Chuyển tiếp
4	Dự án ĐT XD công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Sở GTVT	409.993	100.000	100.000			-	-			0,00%	100.000	Chuyển tiếp
5	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	Sở GTVT	392.122	90.000	90.000			-	-			0,00%	90.000	Chuyển tiếp
6	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở UMT	Sở GTVT	125.000	30.000	30.000			-	-			0,00%	30.000	Chuyển tiếp
7	Dự án nâng cấp đường Thửa 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng	Sở GTVT	199.999	23.292	23.292			-	-			0,00%	23.292	Chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 24/3/2022	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NSDP	NSTW	ODA		NSDP	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5				6				7	8	9
8	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	Sở GTVT	79.543	9.000	9.000			-	-			0,00%	9.000	Chuyển tiếp
9	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	Sở GTVT	1.479.922	200.000		200.000		-		-		0,00%	200.000	Khởi công mới
II	Sở Nông nghiệp và PTNT			332.630	62.100	181.230	89.300	20.663	440	16.649	3.574	6,21%	311.967	
1	Hồ chứa nước Bã Cây Mến, huyện Kiên Hải	Sở NN và PTNT	152.289	12.000	12.000			-	-			0,00%	12.000	Chuyển tiếp
2	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	Sở NN và PTNT (TTNS & VSMT NT)	96.346	5.000	5.000			-	-			0,00%	5.000	Chuyển tiếp
3	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	Sở NN và PTNT	1.484.000	181.230		181.230		16.649		16.649		9,19%	164.581	Chuyển tiếp
4	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	Sở NN và PTNT	729.247	85.400	11.100		74.300	-	-		-	0,00%	85.400	Chuyển tiếp
5	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	Sở NN và PTNT	338.551	49.000	34.000		15.000	4.014	440		3.574	8,19%	44.986	Chuyển tiếp
III	Sở Y tế			313.759	313.759	-	-	59.680	59.680	-	-	19,02%	254.079	
1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường	Sở Y tế	761.195	293.759	293.759			54.605	54.605			18,59%	239.154	Chuyển tiếp
2	Bệnh viện Sản Nhi	Sở Y tế	915.857	10.000	10.000			-	-			0,00%	10.000	Chuyển tiếp
3	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	Sở Y tế	29.995	10.000	10.000			5.075	5.075			50,75%	4.925	Chuyển tiếp
IV	Sở Tài nguyên và Môi trường			143.035	133.324	-	9.711	-	-	-	-	0,00%	143.035	
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	Sở TN & MT	755.022	130.000	130.000			-	-			0,00%	130.000	Chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 24/3/2022	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NSDP	NSTW	ODA		NSDP	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5				6				7	8	9
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở TN & MT	53.829	13.035	3.324		9.711	-	-		-	0,00%	13.035	Chuyển tiếp
V	Sở Văn hóa và Thể thao			45.000	45.000	-	-	279	279	-	-	0,62%	44.721	
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Sở VH & TT	129.615	30.000	30.000			261	261			0,87%	29.739	Chuyển tiếp
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Sở VH & TT	49.616	15.000	15.000			18	18			0,12%	14.982	Chuyển tiếp
VI	Sở Du lịch			51.000	51.000	-	-	1.647	1.647	-	-	3,23%	49.353	
1	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo)	Sở Du lịch	59.869	30.000	30.000			1.647	1.647			5,49%	28.353	Chuyển tiếp
2	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chị Sứ)	Sở Du lịch	59.453	21.000	21.000			-	-			0,00%	21.000	Chuyển tiếp
VII	Các Sở ngành khác			154.416	154.416	-	-	6.298	6.298	-	-	4,08%	148.118	
1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH&ĐT	73.377	30.967	30.967			108	108			0,35%	30.859	Chuyển tiếp
2	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	Văn phòng Tỉnh ủy	151.293	30.000	30.000			142	142			0,47%	29.858	Chuyển tiếp
3	Xây dựng mới kho Lưu Trữ lịch sử Đảng Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	35.000	20.000	20.000			790	790			3,95%	19.210	Chuyển tiếp
4	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông	Bộ CH ĐBBP tỉnh	60.000	30.000	30.000			169	169			0,56%	29.831	Chuyển tiếp
5	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị	Trường Cao đẳng Kiên Giang	29.985	15.000	15.000			-	-			0,00%	15.000	Chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 24/3/2022	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NSDP	NSTW	ODA		NSDP	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5				6				7	8	9
6	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị.	Trường Cao đẳng Kiên Giang	29.900	5.449	5.449			-	-			0,00%	5.449	Chuyển tiếp
7	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang	Văn phòng UBND tỉnh	14.997	13.000	13.000			4.836	4.836			37,20%	8.164	Chuyển tiếp
8	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	49.435	10.000	10.000			253	253			2,53%	9.747	Khởi công mới
B	CẤP HUYỆN			1.749.901	1.138.413	611.488	-	103.947	33.551	70.395	-	5,94%	1.645.954	
I	Thành phố Phú Quốc			1.043.325	879.825	163.500	-	7.326	7.326	-	-	0,70%	1.035.999	
1	Các dự án sử dụng vốn đất, trong đó:	Rạch Giá		585.600	585.600			3.799	3.799			0,65%	581.801	
2	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền cho thuê đất dự án Cấp treo Hòn Thơm trên địa bàn thành phố Phú Quốc	Phú Quốc		200.000	200.000			-	-			0,00%	200.000	Chuyển tiếp
3	Đường nhánh số 3 - khu vực Bãi Trường	Phú Quốc	176.274	44.225	44.225			3.528	3.528			7,98%	40.697	Chuyển tiếp
4	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	Phú Quốc	1.499.739	213.500	50.000	163.500		-	-	-		0,00%	213.500	Chuyển tiếp
II	Thành phố Rạch Giá			137.588	137.588	-	-	10.561	10.561	-	-	7,68%	127.027	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		120.000	120.000			4.000	4.000			3,33%	116.000	
2	Kè đường Nguyễn Thái Học và Kè đường Trần Hưng Đạo (từ Cầu Kênh Nhánh đến Cổng Kênh Nhánh)	Rạch Giá	32.994	7.588	7.588			6.165	6.165			81,25%	1.423	Chuyển tiếp
3	Đường Trần Văn Giàu (KDC Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	Rạch Giá	64.818	6.000	6.000			240	240			4,00%	5.760	Chuyển tiếp

TT	Danh mục dự án/ Đơn vị được giao quản lý vốn/ Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý vốn/Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Trong đó:			Giải ngân đến ngày 24/3/2022	Trong đó:			Tỷ lệ %	Số vốn còn lại	Ghi chú
					NSDP	NSTW	ODA		NSDP	NSTW	ODA			
1	2	3	4	5				6				7	8	9
4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng)	Rạch Giá	53.469	4.000	4.000			156	156			3,89%	3.844	Chuyển tiếp
III	Thành phố Hà Tiên			98.000	98.000	-	-	15.664	15.664	-	-	15,98%	82.336	
1	Các dự án sử dụng vốn đất	Rạch Giá		48.000	48.000			6.132	6.132			12,78%	41.868	
2	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Hà Tiên	200.480	35.000	35.000			-	-			0,00%	35.000	Chuyển tiếp
3	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	Hà Tiên	40.000	15.000	15.000			9.532	9.532			63,55%	5.468	Chuyển tiếp
IV	Các huyện khác trong tỉnh			470.988	23.000	447.988	-	70.395	-	70.395	-	14,95%	400.593	
1	Đường KT1, huyện An Minh	An Minh	200.000	23.000	23.000			-	-			0,00%	23.000	Chuyển tiếp
2	Chương trình Biển Đông - Hải đảo	Giang Thành		104.770		104.770		-		-		0,00%	104.770	Chuyển tiếp
3	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bằng - Cán Gáo)	An Minh	200.000	100.000		100.000		-		-		0,00%	100.000	Khởi công mới
4	Cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô)	An Minh	250.000	100.000		100.000		70.395		70.395		70,40%	29.605	Khởi công mới
5	Đường Minh Lương - Giục Tượng	Châu Thành	168.798	92.980		92.980		-		-		0,00%	92.980	Khởi công mới
6	Đường Tránh Thị Trấn Kiên Lương (Điểm đầu ĐT.971 đến trạm điện Kiên Bình QL80)	Kiên Lương	350.000	40.238		40.238		-		-		0,00%	40.238	Khởi công mới
7	Kè chống sạt lở kênh Hà Giang (đoạn Trung tâm hành chính - Khu dân cư Đầm Chít)	Giang Thành	250.000	10.000		10.000		-		-		0,00%	10.000	Khởi công mới